

Tri Kiến trong thiên học Trần Nhân Tông

Tiểu luận Triệu Từ Truyền

*“Áo rách đùm mây đun cháo sớm
Bình xưa đựng nguyệt nấu trà khuya”*
Trần Nhân Tông

Trong thế kỷ 13, cùng với những nhà tư tưởng đương thời, Trần Nhân Tông nổi bật lên là triết gia tiêu biểu. Không thể lấy tiêu chí của hệ thống triết học Phương tây từ Sorate, Platon đến Karl Marx, Hegel để bình chọn ai là triết gia phương Đông. “Triết học là đi đường” một triết gia Đức đã nói vậy! phải chăng ai tư duy về “đường đi”, nghĩa là tư duy về Đạo, kể cả theo nghĩa “Đạo khã Đạo phi thường Đạo”, người ấy là triết gia.

Ngày nay ít còn so sánh thiệt hơn giữa hiểu biết bằng thực nghiệm, bằng phân tích chính xác, với hiểu biết bằng trực cảm, bằng tổng hợp.

Phương pháp nào cũng cần thiết cho tri thức, vì tùy theo đối tượng và lãnh vực của ngoại giới mà nên bắt chiếc cầu nào cho tương thích. Tốt hơn hết là dùng cả hai phương pháp để đáp ứng cho tri thức và tâm thức. Phương Đông, trong đó có Việt Nam, từ khi hình thành quốc gia dân tộc cho đến cuối thế kỷ 19, tư duy triết học bằng trực cảm tâm linh, thể hiện bằng thiền học, bằng đốn ngộ, bằng đối đáp theo công án, khác hẳn cách nói chuyện giữa thầy trò Sorates dùng biện luận thông qua lý trí để tìm sự thật, dù đó là lý trí của giác quan, sáng không phải là tối nên chẵn không thể là lẻ (1), ngày nay nếu nói sóng không phải là hạt thì bị coi là dốt, vì photon ánh sáng sóng và hạt chỉ là một.

Truyền thống duy lý xem thường cách gợi tưởng của triết gia phương Đông vì họ chỉ thừa nhận một lối biện luận logique hình thức, logique toán học... Trong khi kết cấu của bài giảng theo công án thiền không nằm trong hình thức câu chữ ẩn dụ, hoán dụ nên logique bên trong bài giảng là ở bên ngoài lời nói, câu chữ. Trần Thái Tông nói: “ *Xứ xứ lục dương kham hệ mã/ Gia gia hữu lộ đáo Trường an/Hồi trình*

*nguyệt hạ nhân hi đảo/Nhất đạo thêm quang
đại địa hàn” (phổ thuyết hướng thượng nhất lộ-
Khoá hư lục, quyển thượng- Trần Thái Tông)*

*Tạm dịch: nơi nơi liễu biếc để buộc ngựa/nhà
nhà bên đường dẫn đến Trường An/đường về
trăng soi ít người đi/một vệt trăng sáng lạnh cả
mặt đất) Đối với thức giả phương Tây, mấy lời
văn vần trên chỉ là đoạn thơ tả cảnh, hoặc cùng
lắm là những câu thơ để diễn đạt tâm trạng kẻ
độc hành trong đêm trăng, gần giống với câu
ngạn ngữ: mọi con đường đều về đến La Mã.
Không chỉ hiểu văn- thơ phương Đông theo
kiểu “ analyse logique” như thế! Thông điệp
của Trần Thái Tông cao sâu hơn nhiều, ấy là lời
dạy mang tính triết học về một con đường hướng
thượng, con đường về với đạo làm người.*

Nên thậm thấu đoạn lời của Trần Thái
Tông như sau: câu 1 muốn nói con đường tu tập
đầy bóng mát, đi vào thuận tiện (con đường rợp
bóng cây xanh biếc, nhiều chỗ buộc ngựa để
nghỉ ngơi); câu 2 Trường An là địa danh dùng
để ẩn dụ một điểm đến đạt đạo, dù khởi hành tu
luyện từ nơi đâu rồi cũng về một cứu cánh đạt
đạo.(nhà nhà bên con đường đều đi về Trường

An) câu 3 đường giác ngộ vẫn còn ít người tu luyện, dù ánh sáng chân thiện (ánh trắng) đang soi tỏ (Đường về trắng soi ít người đi); ánh trắng còn tương trưng cho bản thể của vũ trụ, ngụ ý nên dẹp bỏ chấp ngã của mỗi người, đạt đến phá chấp, vô ngã ; câu 4 ánh sáng chân thiện của đạo pháp đã tương tác khắp mặt đất (một vệt trắng sáng lạnh cả mặt đất).

Thơ thiên thời Lý Trần đã được viết khá nhiều và tương đối đầy đủ rồi , hơn nữa những nhà nghiên cứu phân tích về sự nghiệp công lao đạo và đời của Trần Nhân Tông rất phong phú, đủ luận cứ đáp ứng tiêu chí phong tặng danh hiệu danh nhân văn hoá thế giới. Bài viết này nhằm tiếp cận tư duy triết học của Trần Nhân Tông , nêu ra những tương đồng với vật lý hiện đại, điều kiện hoà hợp giữa triết Đông và triết Tây, mở ra con đường triết học toàn cầu trong thiên niên kỷ mới, đồng thời góp phần lý giải nhiều hành xử vi diệu, vượt qua không thời gian của tổ sư thiên học Trần Nhân Tông.

I Tri kiến Trần nhân Tông tương đồng với hiểu biết thực nghiệm của Vật lý hiện đại:

Thơ Trần Nhân Tông được ghi nhận còn lưu lại 32 bài , (Thời ấy, thơ và văn chưa có ranh giới rõ ràng, tiền nhân phát biểu bằng thơ những vấn đề mà con cháu ngày nay chỉ viết bằng văn xuôi). Dù trong thơ hay bài giảng, Trần Nhân Tông luôn cho thấy cách nhìn vượt trên thế giới nhị nguyên. Trong bài Thiên trường vãn vọng:

*Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên,/Bán vô bán hữu,
tịch dương biên./Mục đồng địch lý quy ngư
tận,/Bạch lộ song song phi hạ điền.(Thôn sau,
thôn trước mịn mờ như khói phủ/ Nửa không nửa
có giữa chiều tà/Sáo thổi mục đồng lừa hết trâu
về /Từng đôi cò trắng đáp xuống ruộng đồng.-
Ngắm cảnh Thiên Trường)*

Hai câu thơ đầu cho thấy một cách nhìn những hiện tượng vật chất là vừa có vừa không. Hai câu thơ sau thừa nhận cái riêng đang hiện hữu. Song cả bốn câu lại toát lên tính toàn cảnh bao trùm lên mọi khác biệt, không đối lập giữa có và

không. Trong vật lý hiện đại, sóng và hạt chỉ mâu thuẫn trên khái niệm cũ, còn thực chất là một. Vật chất có hai cách biểu hiện, tương chừng như loại trừ lẫn nhau, đó là hạt vừa là sóng, đó là sóng vừa là hạt, nghĩa là vừa có vừa không, vừa không vừa có như quan niệm của Trần Nhân Tông. Nhà vật lý Oppenheimer nói: *khi ta hỏi, electron còn giữ nguyên vị trí không? Ta phải đáp: “Không”, khi ta hỏi vị trí electron có dịch chuyển theo thời gian không? Ta cũng trả lời: “không”; rồi lại hỏi: vậy liệu electron có nằm yên không? Ta phải đáp: “không”; hỏi tiếp: vậy có phải electron đang vận động không? Cũng một câu trả lời: “không”.* Nghe qua như là tiếng dội từ hơn bảy trăm năm trước trong thiên viện mà thiền sư Trần Nhân Tông đang thuyết giảng.

Dưới đây là một đoạn bài giảng Của Trần Nhân tông, tại viện Kỳ Lân năm 1306:

Pháp tức là tính, Phật tức là tâm. Tính nào chẳng phải là pháp? Tính nào chẳng phải là Phật. Tức tâm tức Phật, tức tâm tức pháp, pháp vốn chẳng pháp. Tức pháp tức tâm, tâm vốn chẳng tâm, tức tâm tức Phật.

Này các người, thời gian dễ trôi qua, mạng người không dừng lại. Có sao ăn cháo ăn chay, mà không rõ việc cái bát cái tô, chiếc thìa đôi đũa để tìm hiểu?

.....

*Một hôm, sư nghe đồ đệ tụng kinh, bèn hỏi:
- Chúng làm gì thế?*

Có tăng đi ra, thưa:

- Chúng niệm Phật tâm.

Sư nói:

*Nếu bảo là tâm,
Tâm tức không Phật.
Nếu bảo là Phật,
Phật tức không tâm.
Thì gọi cái gì là tâm?*

*Tăng không nói. (trích TRẦN NHÂN TÔNG
CON NGƯỜI & TÁC PHẨM – Lê Mạnh Thát)*

Phải chăng từ tâm thức vượt lên trên nhị nguyên
mà có những hành xử vi diệu như: bỏ
qua tội lỗi trọng dụng lại Trần Khánh

Dur, đốt bằng chứng đầu hàng giặc của những người trong hoàng tộc và bề tôi, không cho truy đuổi kẻ bại trận, cho đến gả công chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm Thành... Còn những cách lý giải động cơ theo lệ thường khác e rằng chưa chính xác đối với Trần Nhân Tông, vì thiên sư trước hết không hành xử vì lợi ích, mà do tấm lòng với tha nhân (từ bi). Tuệ Trung thượng sĩ (anh ruột Trần Hưng Đạo), vừa thao lược vừa chân tu, được Trần Nhân Tông tôn trọng làm thầy; Tuệ Trung từng viết: *Biết rằng “không”, “Có” chẳng cách xa/ “Sống”, “Chết” nguyên từ đọt sóng ra (Đoán tri không hữu bất tương sa/ Sinh tử nguyên tòng nhất phái ba)*(2), Thật kỳ tài, Tuệ Trung tri kiến được dòng năng lượng của vật chất tạo ra muôn loài, sóng của hạt hạ nguyên tử kết cấu thành nguyên tử, thành tế bào rồi hình thành sinh vật. Suy cho cùng sự sống cũng từ vô số đọt sóng năng lượng, rồi Chết đi cũng nhập vào những đọt sóng, mà bảy thế kỷ sau vật lý hiện đại mới nhìn ra. Do vậy,

Trần Nhân Tông làm vua hoặc Trần Nhân Tông là tổ sư thiền cũng chẳng có gì mất đi hoặc thêm vào, vẫn là một Trần Nhân Tông tự tại : chẳng có gì phân chia hai phía, là nhất thể, song cũng không hẳn là một, vì còn vô thường. Trong cõi vô thường, nên làm vua và đánh giặc ngoại xâm phương bắc Nguyên Mông. Khi giặc thua tháo chạy, họ là những sinh linh cũng như chúng ta (cũng là loài người) nên không truy đuổi tận diệt. Ở phương nam, Chiêm Thành, cũng là một bộ tộc người, không kỳ thị màu da, chủng tộc, gả công chúa yêu quý duy nhất Huyền Trần cho vua nước nhỏ, Trần Nhân Tông đã thoát ra luật định của hoàng gia không cho con cháu hoàng tộc kết hôn với người ngoài.(Hàng trăm năm sau này , Nguyễn Phi Khanh, cha của Nguyễn Trãi, còn phải lẩn trốn vì dám lấy vợ là con gái của Trần Nguyên Đán). Phải chăng với tâm thức nhất thể mà xử lý những việc trong cõi vô thường như “quãng một chiếc giấy rách”? Từ bỏ

ngai vàng , đi tu rồi trở thành Tổ thứ nhất, sáng lập thiền phái Trúc Lâm cũng như sóng và hạt của mỗi hạt hạ nguyên tử? Thế giới nhị nguyên chỉ là ảo giác! Đó cũng là biện chứng của tâm linh trong những hiện tượng ngoại giới và nội giới. Liên hệ với hiện tượng luận biện chứng tâm linh theo phát hiện của triết gia Trần Đức Thảo trong thế kỷ 20 (3), Trần Nhân Tông bảy trăm năm trước đã tri kiến theo phương pháp ấy để giải quyết mọi vấn đề hóc búa của lịch sử (cõi vô thường) đặt ra như nêu trên.

II. Tư duy Trần Nhân Tông vượt lên các phương pháp tư duy triết học hiện đại.

Trần Nhân Tông không suy xét theo ý niệm chủ quan, không định kiến, không theo sách vở Nho giáo, luôn căn cứ vào thực tế, vào bối cảnh chung mà hành xử mọi việc để giành kết quả tối ưu. Đây cũng là luận điểm chủ yếu của Hiện tượng luận. Triệu tập hội nghị Dziel Hồng, lắng nghe ý dân để quyết định chống giặc ngoại xâm,

Một hành động bức phá khỏi giáo điều chuyên chế quân chủ. Đồng thời, Trần Nhân Tông suy nghĩ như một nhà biện chứng duy vật. Trong một trận chiến đấu, thế lực giặc đang áp đảo, tạm phải lui binh, Trần Nhân Tông vẫn khẳng định vào thắng lợi cuối cùng, bằng phân tích tương quan lực lượng, chứ không phải cầu khẩn sức mạnh của Ông Trời.(4) Tuy nhiên, Trần Nhân Tông vượt lên trên cả duy tâm và duy vật, Tin vào sức mạnh ý chí và minh triết của con người, không chỉ hiểu biết bằng lý luận sách vở, mà còn hiểu biết bằng tâm thức, bằng thiên định và đốn ngộ. Ngày nay, khoa học vật lý hiện đại chỉ cho thấy lý luận sách vở chỉ mới đúc kết được thế giới vật chất sáng chiếm tỷ lệ quá ít (5), nên chỉ có thể nhận thức vũ trụ gần đúng hơn bằng tiếp cận những dòng năng lượng khác thông qua phương pháp tâm linh. Phải chăng đây cũng là một nguyên nhân để Trần Nhân Tông sáng lập thiên phái? (6)

Ngày nay nghiên cứu phương pháp tư duy của Thiên phái Trúc Lâm nói chung, và nói riêng của Trần Nhân Tông, Tổ sáng lập thiên phái, thật thú vị nhận ra tính hiện đại triết học, tương

thích với phương pháp hiện tượng luận biện chứng tâm linh.

Tại sao nhìn nhận thế giới vật chất theo hiện tượng luận và phép biện chứng duy tâm hoặc duy vật là chưa đủ để hiểu biết bản chất mọi sự vật? Bởi vì hiện tượng luận vẫn còn cho phép chủ quan của mỗi cá thể quan sát đối vật theo nhiều khía cạnh khác nhau, mà mỗi cá thể đều bị sách vở cũ và tập quán địa phương chi phối về quan điểm, nên ít nhiều vẫn bị nô dịch trong tư duy.

Biện chứng pháp bị giới hạn trong không gian ba chiều, thừa nhận dòng chảy có trước có sau, nhấn mạnh sự vật phát triển tất yếu, lệ thuộc vào những định đề toán học và vật lý cổ điển. Hai vế nhận thức trên chưa thoả đáng với phát hiện của vật lý hiện đại. Trong thuyết lượng tử, tính xác suất là tính chất căn bản trong thế giới nguyên tử, thậm chí còn quyết định vật chất có tồn tại hay không. Tính xác suất còn chứng minh tính đúng đắn của tâm thức đốn ngộ, (bất chợt mà thức tỉnh, lãnh hội được thực chất, không còn bị ảo giác ám ảnh)), vì lượng tử là những bước

nhảy của thực thể trong một tiến trình hoặc quỹ đạo náo đó, nên suy luận tuần tự theo cách của Socrates, Platon sẽ không nắm bắt được bản chất. Vì vậy, Thiền là cách nhận thức thật sự tự do của chủ thể với khách thể. Fritjof Capra, giáo sư Vật lý tại Hoa Kỳ và Anh Quốc nhận định về thiền : “ *Thiền không quan tâm gì đến sự trùu tượng hay suy luận khái niệm nào. Nó không có nền triết lý nào hay quy định gì đặc biệt, không phải tỏ lòng tin tưởng nơi ai, xa lánh mọi giáo điều và quả quyết rằng, chính nhờ sự tự do thoát khỏi mọi ràng buộc nơi một niềm tin cứng ngắt nào mà mới sinh ra tâm linh đích thực*” (Đạo của vật lý- Nguyễn Tường Bách biên dịch). Thiền tông Việt nam đã bổ sung về thứ ba vào phương pháp nhận thức là trực cảm tâm linh, tức đốn ngộ trong thuật ngữ thiền. Trực cảm tâm linh, đốn ngộ mới nhận biết vô số hướng đi của xác suất mà chọn ra con đường tối ưu của mọi phát triển. Rất tiếc trong quyển Đạo của Vật Lý, Fritjof Capra chưa có điều kiện tiếp cận với thiền tông Việt Nam, đặc biệt là thiền phái Trúc Lâm với tổ sáng lập Trần Nhân Tông. Một đặc trưng thiền độc đáo, khác xa thiền học Nhật Bản và Trung quốc. Thiền học Việt Nam,

vô ngã nhưng tự tin cao nhất, phá chấp để “ châu châu đá xe, tưởng rằng châu ngã ai dè xe nghiêng”; dùng năng lượng tâm linh để chuyển hoá năng lượng vật chất sáng, thay đổi dòng chảy lịch sử (đánh bại thế lực toàn cầu Nguyên Mông). Trong luận án phó tiến sĩ của Đoàn thị Thu Vân về thơ thiền Lý Trần có một đoạn kết luận rất hay: *Thơ thiền Lý Trần có xu hướng vươn tới một không gian và thời gian không có giới hạn và đạt tới sự hợp nhất không-thời gian để phá bỏ mọi giới hạn đối với con người- nói đúng hơn là cái tâm đã đạt đạo, tức thấu triệt chân lý của con người- tham vọng đưa con người vươn đến toàn năng, là một hữu thể vô hạn vượt qua những chiều kích vật chất hữu hạn để tương đương với không gian, thời gian cõi hằng thường. Ở tâm độ này, con người nhìn thấu cổ kim, ngang hàng với Phật , với Tổ, tung hoành ngang dọc, tự do, tự tại.* Phải chăng đoạn lời này có thể lý giải tại sao Nhà Trần ba lần đánh bại đạo quân xâm lược của Hốt Tộc Liệt (Cháu nội của Thành Cát Tư Hãn, cùng có tên với Trần Hưng Đạo, Võ nguyên Giáp trong danh sách 10 danh tướng của loài người từ thượng cổ đến hiện nay).

Thiên niên kỷ thứ ba phải chăng Việt Nam nên vận dụng Hiện tượng luận biện chứng tâm linh trong tu dưỡng con người và phát triển xã hội ? Việc kết hợp hài hoà tư duy triết học giữa thiền sư Trần Nhân Tông và triết gia Trần Đức Thảo (không nên câu nệ 700 năm là cách trở, vì trong không gian bốn chiều, chiều thời gian cũng cùng bản chất với chiều không gian, nghĩa là có thể đi tới đi lui được), trong bối cảnh của thuyết tương đối và thuyết lượng tử là thái độ sống tối ưu của mỗi công dân, mỗi quốc gia, kể cả cộng đồng Asean, nhằm tồn tại tự do và phát triển bền vững lâu dài.

Cao nguyên Boloven, Paksong -mùa cà phê chín, 2010,
Triệu Từ Truyền

Chú thích: (1) Thượng hoàng ngồi xuống giường thiền. một chốc, bèn nói:

Đỗ quyen rên rỉ, trăng ngày sáng
Đừng để tâm thường xuyên luống qua
Lại đánh xuống một cái:
- Chẳng có gì cả, hãy đi ra đi, đi ra đi.

Một vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Đáp:

- Hiểu theo như trước là chẳng phải.

Lại tiến lên hỏi:

- Thế nào là Pháp?

Đáp:

- Hiểu theo lời trước là chẳng phải.

Lại đứng lên hỏi:

- Rốt ráo là thế nào?.

Đáp:

Tám chữ mở toang trần trời hết

Chẳng còn gì nữa để trình ông.

Lại đứng lên hỏi:

- Thế nào là Tăng?

Đáp:

- Hiểu theo lời trước lại chẳng phải.

Lại đứng lên hỏi:

- Rốt ráo là như sao?

Đáp:

Tám chữ mở toang trần trời hết

Chẳng còn gì nữa để trình ông.

Lại đứng lên hỏi:

- Thế nào là một việc hướng thượng?

Đáp:

- Đứng chống đầu gậy chọc trời trăng.

Lại đứng lên hỏi:

- Dùng công án cũ để làm gì?

Đáp:

- Mỗi lần nêu ra mỗi lần mới.

Lại đứng lên hỏi:

- Thế nào là giáo ngoại biệt truyền?

Đáp:

- Ẽnh ương nhảy không ra khỏi đầu.

Lại đứng lên hỏi:

- Hiện ra rồi chìm mất là thế nào?

Đáp:

- Còn tùy còn tùy bước ếch cát bùn vương.

Tiền lên hỏi:

- Thế còn nhảy không ra?

Điều Ngự bèn lên tiếng:

- Tên mù kia thấy cái gì?

Bèn đứng lên nói:

- Đại tôn đức lừa người để làm gì?

Điều Ngự bèn thở dài. Vị tăng ngẫm nghĩ. Điều Ngự liền đánh. Vị tăng lại định đi ra hỏi. Điều Ngự liền hét. Vị tăng cũng hét.

Điều Ngự nói:

- Lão tăng bị người hét một tiếng, thì hét hai tiếng rốt ráo thế nào?

Nói mau, nói mau.

Tăng ngẫm nghĩ.

Điều Ngự lại hét một tiếng, nói:

- Con hồ tinh hoang kia vừa mới đến liền thoảng, nay ở chỗ nào rồi?

Tăng lay và rút lui. (trích bài giảng tại chùa Sùng Nghiêm- Trần nhân Tông Con người & tác phẩm- tiến sĩ Lê Mạnh Thát –NXB TP HCM 1999)

Trích đoạn một cuộc trò chuyện giữa Socratres và Cebes:

....

Cebes hỏi:

- anh muốn nói gì?

- cũng chỉ là những điều mà chúng ta mới nói cách đây không lâu. Tôi giả sử anh nhận thức được khi tư tưởng số ba chỉ đạo bất kỳ nhóm vật thể nào, nó sẽ thúc ép chúng trở thành số lẻ như chính nó vậy

- Chắc chắn là vậy

- Vậy tôi xác nhận rằng với những đặc tính có ảnh hưởng này, sẽ không bao giờ thâm nhập vào được một nhóm tư tưởng đối lập.

- Không, không thể.

-Và hình thái của số lẻ có ảnh hưởng này.

- Đúng.

- Đối lập với nó là hình thái của số chẵn?

- Đúng.

- Vậy hình thái số chẵn sẽ không bao giờ đưa vào số ba.

-Không bao giờ.

- Nói cách khác, số ba là không tương thích với sự chẵn.

- Hoàn toàn đúng.

- Nên số ba là số không chẵn.

- Đúng. (Những ngày cuối đời của Socrates- Plato – Nguyễn Kim Dân biên dịch)

(2)

Đốn tỉnh

Đoán tri không hữu bất tương sa (sai),

Sinh tử nguyên tông nhất phái ba.

Tạc dạ nguyệt minh kim dạ nguyệt,

Tân niên hoa phát cố niên hoa.

Tam sinh thúc hốt chân phong chúc,

Cửu giới tuần hoàn thị nghĩ ma.

Hoặc vấn như hà vi cứu cánh,

Ma-ha bát nhã tát-bà-ha.

Chợt tỉnh (Tuệ Trung-Người dịch: Huệ Chi)

Biết rằng "không", "có" chẳng cách xa,

"Sống", "chết" nguyên từ đọt sóng ra.

Trăng rọi tối nay: trăng tối trước,

Hoa cười năm mới: hoa năm qua.

Ba sinh: gió thổi, đuốc loè tắt,

Chín cõi: cõi vắn, kiến nhân nha.

Muốn hỏi thế nào là cứu cánh,

Ma-ha bát nhã, tát-bà-ha!

(3) vui lòng đọc Thành tựu của tư duy Trần Đức Thảo- tiểu luận Triệu Từ Truyền

(4) Vào khoảng cuối 1284 đầu 1285 sau khi cuộc chiến lần thứ nhất diễn ra chỉ mới chừng mười ngày, mặt trận Khâu Cấp - Nội Bàng đã tan vỡ và đại quân Trần phải lùi về Vạn Kiếp. Trên con thuyền chạy ra Hải Đông nhằm tránh mũi dùi tấn công của giặc, giữa lúc quân thần không khỏi hoang mang, Trần Nhân Tông đã viết vào đuôi thuyền hai câu :

Cối Kê cự sự quân tu ký,/Hoan, Diễn do tôn thập vạn binh

(Cối Kê việc cũ người nên nhớ,/Hoan Diễn còn kia mười vạn quân). Hai câu thơ, có lẽ chỉ nhằm trấn an những bề tôi nào đó cùng đi trên thuyền, nhưng đã lan truyền rất nhanh như một thông điệp về tinh thần tự chủ kỳ lạ của người đứng đầu xã tắc. Một nghìn quân còn lại trên núi Cối Kê của Việt Vương Câu Tiễn ở thời Chiến quốc, ngỡ bị quân Ngô dồn đến chân tường, vậy mà về sau đã lại dấy lên, đánh bại đội quân hùng mạnh của nước Ngô. Gọi một điển tích cũ để bày tỏ niềm tin vững chắc của mình vào triển vọng của đất nước lúc bấy giờ, trong tình thế nghìn cân treo sợi tóc, đồng thời Trần Nhân Tông cũng nhắc người nghe đừng quên mất thực tế là vùng hậu phương Thanh - Nghệ lực lượng hiện vẫn chưa suy suyển. Nhưng còn quan trọng hơn là cái dung lượng triết lý mà câu nói của ông chứa đựng.(TRẦN NHÂN TÔNG VÀ TÂM VÓC CỦA MỘT THỜI ĐẠI-Nguyễn Huệ Chi và Trần Thị Băng Thanh)

(5) Hình dung về tỷ lệ thành phần vũ trụ: năng lượng tối 73%, vật chất tối 23%, khí Hidro, Heli tự do, các sao, neutrino, thành phần chất rắn và các phần còn lại 4%.Vật chất tối là phần vật chất mà con người chưa thể quan sát, cân đo được mà chỉ biết đến nó thông qua tác động tới những vật thể khác, nhưng lại chiếm phần lớn khối lượng của các thực thể vật chất trong vũ trụ.

(6) Cũng như ông nội và thân phụ, trong tư cách một con người lịch sử ông ý thức được quy luật lịch sử và trách nhiệm trước lịch sử của cá nhân mình. Ông đang thực hiện vô vi ngay trên ngai vàng. Khi ông rời triều đình lên Yên Tử, con người nhập thế tất nhiên vẫn còn (chứ làm sao triệt tiêu ngay được?!). Tuy vậy, lại cũng bởi là người nắm vững hơn ai hết quy luật sinh lão bệnh tử của tự nhiên, Trần Nhân Tông đã biết cách chủ động truyền trọng trách thế sự lại cho Hoàng tử trưởng là Anh Tông kế tục, và mục tiêu vô vi giờ đây là thung dung đi tìm niềm vui của sự “giác ngộ”, cũng là tìm lời giải đáp cho những câu hỏi lớn : Con người là ai ? Từ đâu đến và cuối cùng đi đâu ? Thế giới có hay không ? Thật hay ảo ?... Những câu hỏi ấy loài người đặt ra từ rất sớm, và cũng từ rất sớm con người đã luôn cố gắng tìm câu trả lời. Giống như Thích-ca-mâu-ni tìm ra đáp án thế giới gồm trong “*ngũ uẩn*”, kể cả tâm cả vật – *sắc, thụ, tưởng, hành, thức*, chúng ta không loại trừ ở Trần Nhân Tông – giờ đây đã mang pháp danh Trúc Lâm Đại Đầu đà – niềm khát khao được toả sáng trí tuệ theo cách riêng của ông trước những câu hỏi loại này để từ con người vô minh của nhân thế thật sự trở thành một người tự do (*Cõi trần vui đạo hãy tùy duyên / Đói cứ ăn no, mệt ngủ yên / Báu sẵn trong nhà thôi khỏi kiếm / Vô tâm trước cảnh hỏi gì thiên – **Cư trần lạc đạo phú***) ; nhờ đó ít nhiều ông gây dựng cho Thiên phái Trúc Lâm một cơ sở triết thuyết nó là nền tảng vũ trụ quan và nhân sinh quan của xã hội thời thịnh Trần.

(TRẦN NHÂN TÔNG VÀ TÂM VÓC CỦA MỘT THỜI ĐẠI-
Nguyễn Huệ Chi và Trần Thị Băng Thanh)